

Số: 4024/QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt
giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050”****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2028/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” (sau đây viết tắt là Đề án) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU**1.1. Mục tiêu chung**

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi hệ thống sản xuất trồng trọt theo hướng phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân và phát triển bền vững. Qua đó giúp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành hàng trồng trọt, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, từng bước hình thành nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, có khả

năng chống chịu tốt trước tác động của biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện các cam kết Việt Nam trong NDC (Đóng góp do quốc gia tự quyết định).

1.2. Mục tiêu cụ thể đến 2035

1.2.1. Phấn đấu đến năm 2035, lĩnh vực trồng trọt sẽ góp phần giảm ít nhất 15% tổng lượng phát thải khí nhà kính ($\text{CO}_2\text{tđ}$) so với năm cơ sở 2020.

1.2.2. Xây dựng và phát triển nhãn hiệu “Phát thải thấp” cho các sản phẩm của ngành hàng trồng trọt.

1.2.3. Mỗi tỉnh tổ chức triển khai ít nhất 1-2 mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải có khả năng nhân rộng; thí điểm ít nhất 15 mô hình canh tác có khả năng phát triển tín chỉ các-bon đáp ứng được yêu cầu của các tổ chức quốc tế.

1.2.4. Xây dựng và ban hành ít nhất 05 gói kỹ thuật sản xuất giảm phát thải áp dụng cho các cây trồng chủ lực.

1.2.5. Hình thành cơ sở dữ liệu phát thải trong trồng trọt kết nối đồng bộ với Hệ thống đăng ký quốc gia.

1.2.6. Tổ chức đào tạo, tập huấn về kỹ thuật, chính sách, nhận thức chung và công cụ đo phát thải cho tối thiểu 3.000 cán bộ kỹ thuật cơ sở, khuyến nông, nông dân, doanh nghiệp trên toàn quốc.

1.2.7. Xây dựng ít nhất 05 bộ tài liệu truyền thông, phổ biến kiến thức, thúc đẩy chuyển đổi hành vi sản xuất của nông dân theo hướng giảm phát thải.

1.3. Tầm nhìn đến 2050

Đến năm 2050, ngành trồng trọt Việt Nam sẽ phát triển theo hướng phát thải thấp, sinh thái và hiện đại, trở thành trụ cột quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh của nền nông nghiệp quốc gia. Hoạt động sản xuất trồng trọt được tổ chức theo chuỗi giá trị tuần hoàn, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và nông nghiệp thông minh, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và vật tư đầu vào, đồng thời kiểm soát, hấp thụ và bù đắp phát thải một cách thực chất. Toàn ngành phấn đấu 100% diện tích cây trồng chủ lực áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác bền vững; hình thành cơ sở dữ liệu số hóa về phát thải trong trồng trọt, kết nối đồng bộ với hệ thống giám sát quốc gia; xây dựng và phổ cập nhãn hiệu “Phát thải thấp” cho các ngành hàng nông sản chủ lực. Việt Nam sẽ trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực về phát triển nông sản có trách nhiệm với khí hậu, tạo dựng lợi thế cạnh tranh xanh trên thị trường quốc tế và đóng góp tích cực vào mục tiêu phát thải ròng bằng “0” theo cam kết tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hiệp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn 2025 - 2035 với các cây trồng trong lĩnh vực trồng trọt trong đó tập trung vào một số cây trồng chủ lực, có tiềm năng giảm phát thải cao như lúa, sắn, mía, cà phê, chuối...

III. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

3.1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và trình độ canh tác của vùng

Tiếp tục phát triển diện tích các cây trồng lâu năm có giá trị cao vừa giúp tăng hiệu quả kinh tế vừa hấp thu các-bon.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa nước kém hiệu quả sang cây trồng cạn khác có hiệu quả cao, kết hợp lúa và nuôi trồng thủy sản.

Tiếp tục nghiên cứu và phát triển mô hình một vụ lúa, một vụ màu để nâng cao sức khỏe đất, giảm phát thải.

3.2. Phát triển và áp dụng các gói kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt giảm phát thải

Rà soát, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính đối với các cây trồng chủ lực.

Xây dựng, lựa chọn và hoàn thiện các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải cho từng cây trồng cho từng vùng sinh thái trong phạm vi chương trình, bảo đảm tính khả thi và khả năng nhân rộng.

Các giải pháp kỹ thuật bao gồm nhưng không hạn chế: Quản lý nước tưới (tưới ngập khô xen kẽ trong sản xuất lúa); Một phải năm giảm, ba giảm ba tăng, hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI)...; Quản lý dinh dưỡng hợp lý, sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh thay thế một phần phân vô cơ, sử dụng một số loại phân chậm tan, phân nhả chậm, phân nano...; Giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, áp dụng biện pháp sinh học và nông nghiệp hữu cơ; Canh tác theo hướng bảo vệ tài nguyên đất (tăng độ che phủ đất, làm đất tối thiểu, luân canh hợp lý và sử dụng hợp lý phụ phẩm nông nghiệp); Ứng dụng công nghệ số: Cảm biến thông minh điều tiết nước, bón phân, phun thuốc, phân tích đất; Áp dụng kỹ thuật canh tác nhằm tăng cường khả năng tích trữ các-bon trong đất; Sử dụng phế phụ phẩm sản xuất than sinh học, phân bón hữu cơ, đưa bèo hoa dâu vào cơ cấu sản xuất nhằm cung cấp thêm chất dinh dưỡng cho đất, tham gia vào quá trình hấp thu khí nhà kính và giảm phát thải khí mê-tan (CH_4)...

Biên soạn, phổ biến hướng dẫn kỹ thuật canh tác giảm phát thải theo từng nhóm cây trồng (lúa, sắn, cà phê và mía), tích hợp cùng hệ thống khuyến nông.

3.3. Triển khai mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải quy mô vùng và chuỗi giá trị

Tổ chức xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật tại địa phương, hỗ trợ nông dân tiếp cận, học hỏi và thực hành.

Lựa chọn xây dựng các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải tại những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ưu tiên theo một số loại cây trồng chủ lực trên các vùng sinh thái của cả nước và phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Các mô hình cần đảm bảo tích hợp đồng bộ các yếu tố:

- Áp dụng gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải.
- Tổ chức sản xuất theo chuỗi, có liên kết giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp thu mua, chế biến.
- Có khả năng giám sát phát thải khí nhà kính và thực hiện quy trình MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định).

Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức quốc tế, đơn vị phát triển dự án các-bon trong việc hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi, chứng nhận và tiêu thụ sản phẩm.

3.4. Thiết lập và vận hành hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) và cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính

Thiết lập hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) chuyên biệt cho một số loại cây trồng trong phạm vi Đề án, trên cơ sở tham chiếu phương pháp luận của IPCC và các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành để đảm bảo có cơ sở khoa học và được quốc tế công nhận.

Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải khí nhà kính trong trồng trọt, bao gồm dữ liệu theo cây trồng, vùng sinh thái, biện pháp kỹ thuật, chu kỳ canh tác.

Phát triển các công cụ hỗ trợ thu thập dữ liệu thực địa, số hóa quá trình theo dõi và đánh giá (ứng dụng di động, phần mềm nền tảng web), tạo thuận lợi cho cán bộ kỹ thuật và nông dân tiếp cận.

Liên thông cơ sở dữ liệu với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia, hướng tới minh bạch hoá số liệu phục vụ đối ngoại, chứng nhận tín chỉ các-bon và truy xuất nguồn gốc môi trường sản phẩm nông sản.

3.5. Nâng cao năng lực và chuyển đổi nhận thức

Tổ chức các chương trình truyền thông, tập huấn nhận thức chung về canh tác giảm phát thải, về phát triển các chuỗi giá trị trồng trọt theo hướng tuần hoàn, bền vững, giảm phát thải...

Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật canh tác giảm phát thải, hệ thống MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định), tín chỉ các-bon... cho cán bộ quản lý, khuyến nông, nông dân nòng cốt và doanh nghiệp.

Xây dựng bộ tài liệu chuẩn hóa, bao gồm: sổ tay kỹ thuật, tờ rơi, infographic, video hướng dẫn... phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng.

Đẩy mạnh công tác truyền thông thông qua báo chí, mạng xã hội, các chương trình truyền hình, hội chợ và triển lãm nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích và xu hướng sản xuất trồng trọt giảm phát thải. Đồng thời, tăng cường phổ biến kiến thức cho cộng đồng về thị trường các-bon.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế (FAO, WB, GIZ, Chương trình

phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ Quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA...) trong nghiên cứu kỹ thuật, hỗ trợ triển khai mô hình, xây dựng năng lực MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định) và kết nối tín chỉ các-bon.

Lồng ghép nội dung canh tác giảm phát thải vào chương trình đào tạo nghề nông nghiệp, khuyến nông và các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

3.6. Kết nối thị trường cho các sản phẩm phát thải thấp

Tổ chức chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản phát thải thấp, hình thành vùng nguyên liệu đồng bộ gắn với các doanh nghiệp thu mua, phân phối, xuất khẩu.

Xây dựng hệ thống chứng nhận sản phẩm phát thải thấp, hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu phát thải thấp cho nông sản, kết nối với thị trường xuất khẩu yêu cầu cao (EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ...). Thí điểm triển khai cấp nhãn hiệu đối với một số ngành hàng chủ lực như lúa gạo, rau quả, cà phê, hồ tiêu... làm cơ sở mở rộng áp dụng toàn quốc.

Hình thành và phát triển hệ thống thị trường tiêu thụ nông sản phát thải thấp; xây dựng và quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Phát thải thấp” nhằm nâng cao giá trị, mở rộng thị trường và khẳng định vị thế nông sản Việt Nam gắn với phát triển bền vững và trách nhiệm môi trường.

Thực hiện các chương trình truyền thông tiêu dùng xanh, ưu tiên lựa chọn nông sản phát thải thấp, hướng tới thay đổi hành vi tiêu dùng bền vững.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường xuất khẩu thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, đàm phán mở cửa thị trường, quảng bá nông sản phát thải thấp tại các hội chợ quốc tế.

Tích hợp hỗ trợ phát triển sản phẩm phát thải thấp vào các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình OCOP và các chính sách khuyến nông.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

4.1. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giảm phát thải trong trồng trọt

4.1.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và công cụ hỗ trợ

Rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản liên quan, trong đó lồng ghép yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính trong các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án ngành trồng trọt.

Xây dựng và triển khai các cơ chế chính sách ưu đãi tài chính cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sang canh tác giảm phát thải.

Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí về canh tác trồng trọt giảm phát thải và xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

4.1.2. Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều phối và giám sát thực hiện Đề án ở cấp Trung ương và địa phương

Tăng cường phân cấp, giao quyền cho địa phương trong việc lựa chọn, phát triển mô hình, mở rộng diện tích áp dụng, xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ và huy động nguồn lực triển khai.

Tổ chức họp định kỳ, sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn; tăng cường kiểm tra, giám sát thực địa nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương.

Tăng cường vai trò giám sát xã hội của các tổ chức hội, hiệp hội, liên minh hợp tác xã, tổ chức cộng đồng và người dân trong quá trình thực hiện Đề án tại địa phương.

4.1.3. Hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả chương trình

Ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật, biểu mẫu, quy trình giám sát và đánh giá định kỳ kết quả thực hiện giảm phát thải.

Ứng dụng công nghệ số trong giám sát phát thải, quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và thống kê sản lượng giảm phát thải.

Xây dựng và vận hành hệ thống giám sát - đánh giá thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bao gồm bộ chỉ số đo lường giảm phát thải và kết quả chuyển đổi mô hình sản xuất.

4.2. Giải pháp về khoa học, công nghệ và chuyển giao kỹ thuật

Đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện và chuẩn hóa các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải, phù hợp từng cây trồng, vùng sinh thái và điều kiện sản xuất.

Ứng dụng một số biện pháp khoa học như: sử dụng phế phụ phẩm sản xuất than sinh học, phân hữu cơ, đưa bèo hoa dâu vào hệ thống canh tác...

Ứng dụng công nghệ số, cảm biến, trí tuệ nhân tạo, nông nghiệp chính xác để tối ưu hóa quản lý nước, phân bón và giám sát phát thải trong trồng trọt.

Phát triển các mô hình trình diễn thực tế tại địa phương để phổ biến kỹ thuật mới, tổ chức “cánh đồng học tập” và đào tạo nông dân.

Tăng cường hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thông qua hệ thống khuyến nông, hợp tác xã, doanh nghiệp dịch vụ nông nghiệp.

4.3. Giải pháp về tổ chức sản xuất và chuỗi giá trị

Thúc đẩy tái cơ cấu sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất giảm phát thải với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc và tín chỉ các-bon.

Khuyến khích phát triển mô hình kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã làm hạt nhân trong tổ chức canh tác giảm phát thải.

Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, áp dụng mô hình đồng

quản lý phát thải giữa nông dân và đơn vị thu mua.

Thực hiện truy xuất nguồn gốc các-bon (footprint), hỗ trợ xây dựng thương hiệu nông sản giảm phát thải.

4.4. Giải pháp về xây dựng hệ thống dữ liệu và quản lý phát thải

Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải trong trồng trọt, tích hợp theo vùng, cây trồng và kỹ thuật.

Trên cơ sở hệ thống MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định) cho ngành trồng trọt đã thực hiện (đã và đang thực hiện), xây dựng hệ thống MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định) hoàn chỉnh có thể đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ và có thể tích hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và hệ thống báo cáo số hóa để theo dõi, giám sát hiệu quả các mô hình và toàn chương trình.

Liên thông dữ liệu với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia để phục vụ thống kê, điều hành và báo cáo quốc tế.

4.5. Giải pháp về nguồn lực tài chính và thị trường

Huy động đa dạng nguồn lực, bao gồm:

- Ngân sách nhà nước, vốn sự nghiệp khoa học, khuyến nông, chương trình mục tiêu quốc gia: giữ vai trò “dẫn dắt”, đầu tư vào các cấu phần có tính nền tảng như chính sách, cơ sở dữ liệu, đào tạo, mô hình thí điểm, khuyến nông, giám sát địa phương...

- Vốn tư nhân, vốn xã hội hoá trong tổ chức sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật và thu mua nông sản: tập trung vào các hoạt động liên kết chuỗi giá trị, đầu tư thiết bị canh tác, mở rộng diện tích áp dụng các quy trình canh tác giảm phát thải, vận hành hệ thống MRV, hệ thống truy xuất nguồn gốc các-bon, ứng dụng công nghệ số, cơ sở chế biến, bảo quản nông sản giảm phát thải.

- Nguồn tài trợ quốc tế, vốn ODA, vốn khí hậu và các chương trình giảm phát thải toàn cầu: ưu tiên bố trí cho các hợp phần về MRV, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm tín chỉ các-bon, đào tạo và nâng cao năng lực...

Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản giảm phát thải, ưu tiên các thị trường có yêu cầu cao về môi trường như EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ.

4.6. Giải pháp về đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức

Biên soạn và phổ biến tài liệu đào tạo, sổ tay kỹ thuật, công cụ hướng dẫn kỹ thuật canh tác giảm phát thải cho cán bộ và nông dân.

Tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, cán bộ quản lý, hợp tác xã và nông dân nòng cốt.

Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng, mạng xã hội, tổ chức hội chợ - diễn đàn để tuyên truyền, lan tỏa mô hình canh tác giảm phát thải.

Tích hợp nội dung sản xuất giảm phát thải vào chương trình đào tạo nghề nông nghiệp, phổ cập kiến thức về tín chỉ các-bon và nông nghiệp tuần hoàn.

4.7. Giải pháp về hợp tác quốc tế và hội nhập

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong: nghiên cứu khoa học, đào tạo kỹ thuật, tư vấn chính sách; Xây dựng dự án các-bon, kết nối thị trường tín chỉ quốc tế.

Tham gia các diễn đàn, sáng kiến khu vực và toàn cầu liên quan đến nông nghiệp giảm phát thải và thị trường các-bon (FAO, CSA, The ASEAN Climate Smart Agriculture, Hub...).

Học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, tiêu chuẩn kỹ thuật, mô hình hợp tác công - tư trong phát triển nông nghiệp các-bon thấp, đồng thời vận dụng linh hoạt theo điều kiện Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ

1.1. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Chủ trì, hướng dẫn triển khai Đề án theo từng giai đoạn.

Tổ chức, điều phối triển khai các nội dung của Đề án và kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án trên toàn quốc.

Tổng hợp nhu cầu, xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án thành phần và đề xuất bố trí nguồn lực thực hiện.

Chủ trì phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ để xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu phát thải trong trồng trọt kết nối đồng bộ với Hệ thống đăng ký quốc gia.

1.2. Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Chủ trì, phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện công tác đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ thuật canh tác giảm phát thải.

Tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông, trình diễn kỹ thuật tại cơ sở.

Phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh để triển khai tập huấn cho đối tượng là nông dân và thành viên hợp tác xã.

1.3. Vụ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì lồng ghép nội dung sản xuất trồng trọt giảm phát thải trong các chương trình nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Thẩm định, xét chọn các nhiệm vụ nghiên cứu về công nghệ, thiết bị, giải pháp phục vụ Đề án.

1.4. Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì kết nối với các sáng kiến quốc tế, chương trình hỗ trợ về nông nghiệp các-bon thấp, tín chỉ các-bon, thị trường xanh, hình thành liên minh thương mại cho phát triển nông nghiệp bền vững, xúc tiến việc tham gia vào thị trường nhãn hiệu nông sản xanh, giảm phát thải.

Chủ trì tìm kiếm, đề xuất và đàm phán với các đối tác quốc tế để huy động nguồn lực, kỹ thuật và hỗ trợ triển khai các nội dung, nhiệm vụ để thực hiện Đề án.

1.5. Cục Biến đổi khí hậu

Phối hợp xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu phát thải từ lĩnh vực trồng trọt đảm bảo phù hợp với mục tiêu chung của NDC.

Phối hợp xây dựng các tiêu chuẩn, phương pháp MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định) theo quy định quốc gia và quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ và liên thông dữ liệu.

Hỗ trợ xây dựng hồ sơ dự án sản xuất giảm phát thải/hấp thu khí nhà kính để tạo tín chỉ các-bon trong nông nghiệp gắn với NDC và thị trường các-bon trong nước.

1.6. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Tham mưu việc phân bổ nguồn lực từ ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA, hỗ trợ kỹ thuật nước ngoài để triển khai Đề án.

Hướng dẫn các địa phương và đơn vị xây dựng dự toán, quyết toán và sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

1.7. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam và các đơn vị nghiên cứu, phát triển

Chủ trì nghiên cứu, hoàn thiện các gói kỹ thuật sản xuất trồng trọt giảm phát thải phù hợp với từng vùng sinh thái và loại cây trồng; Phối hợp chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Thực hiện đánh giá hiệu quả kỹ thuật, kinh tế, môi trường và xây dựng hồ sơ xác nhận lượng phát thải/hấp thu phục vụ chứng nhận tín chỉ các-bon và kiểm kê khí nhà kính.

Nghiên cứu, cung cấp các cơ sở khoa học, thực tiễn để xây dựng MRV phục vụ kiểm kê khí nhà kính và tính toán lượng phát thải.

1.8. Báo Nông nghiệp và Môi trường

Xây dựng chuyên trang/chuyên mục trên báo Nông nghiệp và Môi trường truyền thông cho các nội dung liên quan của Đề án.

Tổ chức các diễn đàn truyền thông trồng trọt phát thải thấp.

Tổ chức các chiến dịch truyền thông cho nhóm cây trồng có tiềm năng chuyển đổi canh tác phát thải thấp.

Xây dựng các học liệu truyền thông, phổ cập các quy trình canh tác phát thải thấp, các nội dung nâng cao nhận thức về canh tác phát thải thấp.

2. Địa phương

2.1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch hành động triển khai Đề án tại địa phương trong đó căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án để chỉ đạo các Sở, ngành, xã/phường liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện đặc thù địa phương.

Chỉ đạo lồng ghép các mục tiêu của Đề án vào kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như kế hoạch sản xuất trồng trọt, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có)...

Chủ động phân bổ và huy động nguồn lực thực hiện Đề án từ ngân sách địa phương và lồng ghép từ các nguồn lực khác.

Tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá việc thực hiện Đề án tại địa phương. Chỉ đạo tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ cơ sở, người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp về lợi ích của sản xuất phát thải thấp, huy động sự tham gia chủ động của các tổ chức và cộng đồng nông thôn.

2.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tổ chức triển khai các nội dung của Đề án trên địa bàn; lựa chọn vùng, cây trồng, mô hình ưu tiên phù hợp điều kiện địa phương và mở rộng diện tích sản xuất trồng trọt giảm phát thải trên địa bàn.

Xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm, tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ nông dân chuyển đổi.

Đề xuất chính sách hỗ trợ đặc thù và kiến nghị điều chỉnh phù hợp với thực tiễn địa phương để thúc đẩy chuyển đổi sản xuất trồng trọt sang sản xuất giảm phát thải.

Chỉ đạo về chuyên môn cho UBND các xã, phường triển khai các mô hình điểm, mở rộng diện tích áp dụng sản xuất giảm phát thải, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện.

Thiết lập cơ sở dữ liệu về phát thải ngành trồng trọt tại địa phương; phối hợp đo lường, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác liên quan

3.1. Các đối tác phát triển trong và ngoài nước

Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chuyển giao tri thức công nghệ thông qua tư vấn, cung cấp giải pháp, xây dựng và mở rộng mô hình canh tác phát thải thấp; chuẩn hóa dữ liệu và bộ chỉ tiêu đánh giá.

Thúc đẩy nghiên cứu chung và hợp tác đào tạo - nâng cao năng lực.

Tham gia kết nối thị trường và thúc đẩy thương mại nông sản phát thải thấp.

Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, thúc đẩy đối thoại chính sách và hài hòa thể chế góp phần xây dựng các chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế.

3.2. Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp

Tuyên truyền, vận động hội viên tham gia các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải.

Tham gia xây dựng và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu nông sản giảm phát thải, truy xuất nguồn gốc và thị trường tiêu thụ.

Đầu tư vào công nghệ, thiết bị và quy trình giảm phát thải trong sản xuất trồng trọt.

Tham gia thúc đẩy phát triển thị trường và nhãn hiệu phát thải thấp qua đó góp phần xây dựng thương hiệu ngành hàng gắn với tiêu chí phát thải thấp, xanh, bền vững.

Phối hợp thực hiện truyền thông, nâng cao nhận thức và tập huấn về trồng trọt giảm phát thải.

Tham gia góp ý, phản biện chính sách và hỗ trợ chia sẻ dữ liệu, giám sát và báo cáo phát thải trong chuỗi cung ứng.

3.3. Các hợp tác xã

Tổ chức sản xuất tập trung theo hướng phát thải thấp trong đó tập trung hướng dẫn và hỗ trợ thành viên áp dụng các quy trình canh tác giảm phát thải.

Chủ động liên kết với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản phát thải thấp. Là cầu nối giữa doanh nghiệp, người dân và cơ quan quản lý nhà nước.

Tham gia đo đạc, giám sát và cung cấp dữ liệu phát thải tại cơ sở.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để thực hiện);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Các tổ chức, cá nhân liên quan;
- Lưu: VT, TTTV.

